CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
EASTSPRING INVESTMENTS

Số: 31/EIFMC/2025
V/v: Báo cáo hoạt động Quỹ ENF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----------***----------

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27/03/2025

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

(Năm 2024)

(Theo mẫu phụ lục XXV của Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)

Kính gửi: **Vụ Quản Lý Các Công Ty Quản Lý Quỹ và Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán**

Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ("UBCKNN")

I. Thông tin về quỹ:

1. Tên của quỹ: Quỹ Đầu Tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Quỹ" hoặc "ENF")

   Loại hình quỹ: Quỹ mở

2. Mục tiêu đầu tư: ENF hướng đến việc gia tăng một cách ổn định và bền vững về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. Với phương pháp phân bổ tài sản linh hoạt này, Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.

3. Thời hạn hoạt động: thời gian hoạt động không xác định

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không có

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

   Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ, chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

   Công ty Quản lý Quỹ không có bất kỳ cam kết nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung tương tự của Quỹ trong tương lai. Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.

   Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được tuyên bố và thực hiện, tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi tương ứng.

   Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác và Quỹ đã lập các quỹ dự phòng. Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2024: 6.866.508,16 chứng chỉ quỹ.

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

7.1 Điều lệ Quỹ

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	**Định nghĩa "Công ty Quản lý Quỹ"** là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments, được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012, Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013 và Giấy phép Điều chỉnh số 106/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/11/2022; Mã số doanh nghiệp: 303827455 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 12/12/2022 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm). Công ty Quản lý Quỹ là công ty quản lý quỹ của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, được ủy thác quản lý quỹ và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Quỹ và theo quy định khác của pháp luật.	**Định nghĩa "Công ty Quản lý Quỹ"** là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments, được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012, Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013 và Giấy phép Điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/08/2018, thay thế cho Giấy phép số 03/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 26/5/2005, Quyết định sửa đổi số 67/UBCK- GPĐC ngày 15/04/2010, Quyết định số 459/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/8/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 09/12/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 106/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/11/2022; Mã số doanh nghiệp: 303827455 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 12/12/2022 (và các giấy phép như sửa đổi vào từng thời điểm). Công ty Quản lý Quỹ là công ty quản lý quỹ của Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, được ủy thác quản lý quỹ và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Quỹ và theo quy định khác của pháp luật.	Cập nhật các giấy phép hiện tại
2.	**Định nghĩa "Ngân hàng Giám sát"** Là Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi bổ sung Giấy phép; Mã số doanh nghiệp số: 0103617147 theo Giấy	**Định nghĩa "Ngân hàng Giám sát"** Là Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam), một ngân hàng được thành lập theo Giấy phép thành lập số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008, Quyết định số 1477/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 08 năm 2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) và Giấy chứng	Cập nhật các giấy phép hiện tại

	chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 24/07/2023 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm). Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp ngày 07/05/2015, cung cấp các dịch vụ (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát việc quản lý tài sản Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các hoạt động khác theo các điều khoản của Hợp đồng Giám sát. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ quỹ và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.	nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp ngày 07/05/2015, cung cấp các dịch vụ (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát việc quản lý tài sản Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các hoạt động khác theo các điều khoản của Hợp đồng Giám sát. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ quỹ và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.	
3.	**Phụ lục 1. Cam kết của Công ty Quản lý Quỹ** Số Giấy phép thành lập và hoạt động: số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012, Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013 và Giấy phép Điều chỉnh số 106/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/11/2022; Mã số doanh nghiệp: 303827455 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 12/12/2022 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).	**Phụ lục 1. Cam kết của Công ty Quản lý Quỹ** Số Giấy phép thành lập và hoạt động: số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012, Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013 và Giấy phép Điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/08/2018, thay thế cho Giấy phép số 03/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 26/5/2005, Quyết định sửa đổi số 67/UBCK- GPĐC ngày 15/04/2010, Quyết định số 459/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/8/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 09/12/2011.	Cập nhật các giấy phép hiện tại

4.	**Phụ lục 2. Cam kết của Ngân hàng Giám sát** Giấy phép Thành lập & hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi bổ sung Giấy phép; Mã số doanh nghiệp số: 0103617147 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 24/07/2023 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).	**Phụ lục 2. Cam kết của Ngân hàng Giám sát** Giấy phép Thành lập & hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và Quyết định số 1477/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 08 năm 2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam).	Cập nhật các giấy phép hiện tại

7.2 Bản Cáo bạch

STT	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH** **Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments** Ông: Faizal Gaffoor Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Thành viên Ông: Ngô Thế Triệu Chức vụ: Tổng Giám đốc và Người Đại diện theo pháp luật Bà: Lê Minh Thủy Chức vụ: Kế toán trưởng	**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH** **Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments** Ông: Ngô Thế Triệu Chức vụ: Tổng Giám đốc và Người Đại diện theo pháp luật	Bổ sung người chịu trách nhiệm với Bản Cáo bạch
2.	**Định nghĩa "Công ty Quản lý Quỹ"** là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments, được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012, Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013 và Giấy phép Điều chỉnh	**Định nghĩa "Công ty Quản lý Quỹ"** là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments, được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 51/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/3/2012, Giấy phép Điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/3/2013 và Giấy phép Điều chỉnh số 106/GPĐC-UBCK do	Điều chỉnh nội dung tham chiếu cho chính xác

	số 106/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/11/2022; Mã số doanh nghiệp: 303827455 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 12/12/2022 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm). Công ty Quản lý Quỹ là công ty quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, được ủy thác quản lý quỹ và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Quỹ và theo quy định khác của pháp luật.	UBCKNN cấp ngày 03/11/2022; Mã số doanh nghiệp số: 303827455 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 12/12/2022 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm). Công ty Quản lý Quỹ là công ty quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, được ủy thác quản lý quỹ và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Quỹ và theo quy định khác của pháp luật.	
3.	**III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ**	**III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ**	Cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô năm 2023
4.	**4.1.1 Thông tin về chủ sở hữu và lãnh đạo Công ty Quản lý Quỹ**	**4.1.1 Thông tin về chủ sở hữu và lãnh đạo Công ty Quản lý Quỹ** Jackson National Life Insurance Company – Công ty bảo hiểm nhân thọ Jackson National là một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ hàng đầu cung cấp các sản phẩm tiết kiệm dài hạn và tích lũy hưu trí cho khách hàng cá nhân và khách hàng là các tổ chức kinh tế trên toàn nước Mỹ;	Cập nhật theo thực tế
5.	**4.1.2 Thông tin hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ**	**4.1.2 Thông tin hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ**	Cập nhật tình hình kinh doanh 2023
6.	**V. THÔNG TIN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT** … • Trụ sở chính: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 và Phòng CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.	**V. THÔNG TIN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT** …	Bổ sung thông tin địa chỉ
7.	**11.2. Giá dịch vụ** Giá dịch vụ mua lại sẽ thay đổi căn cứ vào thời hạn nắm giữ Chứng chỉ Quỹ với mức phí tối đa không vượt quá mức phí theo quy định pháp luật	**11.2. Giá dịch vụ** Giá dịch vụ Mua lại: Thời gian nắm giữ từ 0 đến 1,5 năm: 1,5%, thời gian nắm giữ trên 1,5 năm: 0%.	Làm rõ thêm cách tính

	hiện hành. Thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ được xác định theo nguyên tắc "Mua trước bán trước" (FIFO). Thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ: 0-18 tháng; Trên 18 tháng Giá dịch vụ mua lại: 1,5%; 0%				

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Đại hội nhà đầu tư năm tài chính 2023 được tổ chức ngày 25/04/2024 đã chấp thuận thông qua Nghị quyết Đại hội với những nội dung chi tiết như sau:

Điều 1: Thông qua báo cáo tình hình tài chính, tài sản và hoạt động của Quỹ cho năm 2023 đã được kiểm toán độc lập.
Điều 2: Thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.
Điều 3: Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ ENF trong năm tài chính 2024.
Điều 4: Phê duyệt thù lao năm 2024 cho thành viên Ban Đại diện Quỹ mỗi người là 07 triệu đồng/người/tháng và Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ là 10 triệu đồng/người/tháng; phê duyệt chi phí hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ là 76 triệu/năm cho năm 2024

Quỹ đã thực hiện đầy đủ việc báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và công bố thông tin về Đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát ("NHGS") về các nội dung quy định tại điều 79 của thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("thông tư 98"): Xin xem chi tiết tại Mục IV. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ:

1. **Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:**

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Mã chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
I	**Tài sản**	2200	-	-	
I.1	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**2201**	30.177.034.748	43.828.036.410	15.234.110.677
	Tiền	2202		-	15.234.110.677
	Tiền gửi ngân hàng	2203	30.177.034.748	43.828.036.410	-

I.2	**Các khoản đầu tư (kê chi tiết)**	**2205**	225.368.705.321	173.840.045.294	169.694.646.008
1	Cổ phiếu	2205.1	179.284.137.600	138.034.073.400	79.928.242.250
2	Trái phiếu	2205.2	11.856.405.577	-	4.822.800.000
3	Các loại chứng khoán khác	2205.3			-
4	Đầu tư khác	2205.4	34.228.162.144	35.805.971.894	84.943.603.758
I.3	Thu từ cho thuê bất động sản đầu tư (áp dụng đối với các quỹ được phép đầu tư bất động sản)	2220			
I.4	**Cổ tức, trái tức được nhận**	**2206**	183.729.262	-	295.384.668
I.5	**Lãi được nhận**	**2207**	511.992.661	917.408.283	1.340.984.481
I.6	**Tiền bán bất động sản chờ thu (kê chi tiết - áp dụng đối với các quỹ được phép đầu tư bất động sản)**	**2221**			
I.7	**Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)**	**2208**		-	-
1	Tiền bán cổ phiếu chờ thu	2208.1		-	-
2	Tiền bán trái phiếu chờ thu	2208.2		-	-
I.8	**Các khoản phải thu khác**	**2210**		-	-
I.9	**Các tài sản khác**	**2211**		-	-
I.10	**Tổng tài sản**	**2212**	256.241.461.992	218.585.489.987	186.565.125.834
II	**Nợ**	**2213**		-	
II.1	**Tiền phải thanh toán mua bất động sản (kê chi tiết)**	**2222**			
II.2	**Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)**	**2214**		3.837.287.311	-
1	Phải trả về mua cổ phiếu	2214.1		3.837.287.311	-
2	Phải trả về mua trái phiếu	2214.2		-	-
II.3	**Các khoản phải trả khác**	**2215**	870.793.140	595.037.571	630.325.463
II.4	**Tổng nợ**	**2216**	870.793.140.00	4.432.324.882	630.325.463
	Tài sản ròng của quỹ đầu tư (I.10-II.4)	2217	255.370.668.852	214.153.165.105	185.934.800.371
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	2218	6.866.508,16	6.786.354,47	6.851.080,66
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	2219	37.191	31.556	27.139

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo: 37.382 đồng/CCQ

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo: 31.571 đồng/CCQ

2. **Thu nhập, doanh thu hoạt động đầu tư trong kỳ báo cáo:**

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	**01**	**43.976.256.562**	**35.070.854.631**
1.1. Cổ tức được chia	02	3.832.989.000	2.420.679.400
1.2. Tiền lãi được nhận	03	2.947.518.635	5.997.412.581
1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	04	22.877.482.912	2.168.631.087
1.4. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	14.318.266.015	24.484.131.563

3. **Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo:**

Trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

4. **Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):**

		Kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024	**2023**
I	**Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động**		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,50	1,50
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,17	0,19
3	Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,19	0,27
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,09	0,09

5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,12	0,14
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	2,30	2,42

5. **Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):**

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/ (2xGiá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ)	2270	72,56	70,41

6. **Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:**

Tính từ khi thành lập Quỹ 25/03/2014, NAV/đơn vị Quỹ đã tăng 271,91%, tương ứng với mức lợi nhuận ròng trung bình hàng năm 12,96%.

7. **Các chỉ tiêu so sánh khác:**

		Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	2023
II	**Các chỉ tiêu khác**		
1	**Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)**		
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)	6.786.354,47	6.851.080,66
	Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)	67.863.544.700	68.510.806.600
2	**Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)**		
	Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)	163.502,88	34.895,66
	Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)	1.635.028.800	348.956.600
	Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)	(83.349,19)	(99.621,85)
	Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(833.491.900,00)	(996.218.500)

3	**Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)**		
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)	6.866.508,16	6.786.354,47
	Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)	68.665.081.600	67.863.544.700
4	**Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)**	91,55	92,64
5	**Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)**	96,05	96,99
6	**Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ**	76,64	77,56
7	**Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ**	275	153
8	**NAV/CCQ cuối kỳ (VND)**	37.191	31.556

Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý Quỹ:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ):

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã tăng 19,25% so với Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tính từ khi thành lập Quỹ, NAV/đơn vị Quỹ đã tăng 271,91%, tương ứng với mức lợi nhuận ròng trung bình hàng năm 12,96%

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ vẫn tập trung chủ yếu vào việc "phân bổ tài sản hợp lý" và "chọn lựa tài sản mục tiêu phù hợp". Một trong những chiến lược chọn lựa cổ phiếu đầu tư của Quỹ là hướng tới cổ phiếu của các công ty có mô hình kinh doanh bền vững, nền tảng tài chính tốt đi kèm chất lượng tài sản tốt và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận tốt trong trung và dài hạn. Trong năm 2024, tỷ trọng phân bổ đầu tư vào cổ phiếu duy trì ở mức trung bình khoảng 70%,

tăng so với mức trung bình khoảng 57% trong năm 2023 do lãi suất huy động mặc dù có tăng nhưng vẫn còn ở mức thấp, mặt bằng lãi suất thấp sẽ tiếp tục kích thích dòng tiền chảy vào thị trường chứng khoán, giúp tăng tính thanh khoản và đem lại tăng trưởng cho thị trường. Phần còn lại Quỹ đã phân bổ vào tiền gửi ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp nhằm tạo nguồn thu nhập ổn định và giữ giá trị của Quỹ ở những thời điểm thị trường biến động.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

So với cuối năm 2023, tỷ trọng tài sản phân bổ vào Cổ phiếu của Quỹ tại thời điểm cuối năm 2024 tăng và đạt mức khoảng 70% tổng giá trị tài sản Quỹ.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Không có khác biệt so với phần thuyết minh tại mục b của phần III này, vì trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap) …:

Tăng trưởng GDP vượt kỳ vọng, lạm phát dưới mục tiêu của chính phủ

Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong quý 4 năm 2024 đạt 7,55% so với cùng kỳ năm trước, đưa tăng trưởng GDP cả năm 2024 lên 7,09%. Kết quả này đã vượt mục tiêu 6,5% của Quốc hội. Trong ba lĩnh vực chính, công nghiệp & xây dựng ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất với 8,35% so với cùng kỳ năm trước trong quý 4 năm 2024 và 8,24% so với cùng kỳ năm trước trong năm 2024.

Lạm phát trong tháng 12 năm 2024 đạt 2,94% so với cùng kỳ năm trước, góp phần vào mức lạm phát trung bình 3,63% cho năm 2024 - thấp hơn nhiều so với mục tiêu của chính phủ là 4,0 – 4,5%. Các yếu tố chính gây lạm phát trong năm bao gồm chi phí nhà ở và vật liệu xây dựng cao hơn, cũng như thực phẩm và hàng hóa thực phẩm.

Doanh số bán lẻ tăng trưởng ổn định và giải ngân FDI mạnh mẽ

Doanh số bán lẻ trong tháng 12 năm 2024 tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước, đưa mức tăng trưởng trong năm lên 8,6%. Mức tăng trưởng này được hỗ trợ bởi sự gia tăng đáng kể từ lượng khách du lịch quốc tế, tăng 39,5% so với cùng kỳ năm trước, gần đạt mức trước đại dịch COVID.

Giải ngân của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong tháng 12 năm 2024 tăng 25,1% so với cùng kỳ năm trước, góp phần vào mức tăng trưởng trong năm là 9,4%, tốc độ nhanh nhất kể từ năm 2022. Điều này đã đưa tổng giải ngân FDI trong năm 2024 lên 25,4 tỷ USD.

Hoạt động thương mại mạnh mẽ, triển vọng còn thách thức

Trong tháng 12 năm 2024, xuất khẩu của Việt Nam tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước, trong khi nhập khẩu tăng 19,2% so với cùng kỳ năm trước, đưa mức tăng trưởng xuất khẩu trong năm 2024 lên 14,3% và tăng trưởng nhập khẩu lên 16,7%. Tăng trưởng của xuất khẩu được thúc đẩy bởi kết quả tốt từ các sản phẩm máy tính, điện tử, máy móc, dệt may và quần áo. Về phía nhập khẩu, sự tăng trưởng đáng kể được ghi nhận ở các sản phẩm máy tính, điện tử, xe cơ giới và nhựa. Thặng dư thương mại thu hẹp xuống còn 0,5 tỷ USD trong tháng 12, đưa tổng thặng dư thương mại trong năm 2024 lên 24,8 tỷ USD.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 9,0% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, chỉ số quản lý mua hàng (PMI) cho tháng 12 là 49,8, cho thấy sự suy giảm. Triển vọng có vẻ thách thức khi các công ty có thể giảm việc làm và mua hàng do sự sụt giảm trong các đơn hàng xuất khẩu mới.

Kết thúc năm 2024, VNIndex đóng cửa ở mức 1,266.8 điểm, đánh dấu mức tăng 1.3% so với tháng 11 và 12.1% cho cả năm 2024. Thị trường giao dịch với tâm lý lạc quan trong nửa đầu năm với sự dẫn dắt của ngành Ngân hàng và Công nghệ thông tin. Tuy nhiên từ tháng 6 đến hết năm, các yếu tố vĩ mô bao gồm giá vàng, tỷ giá đô la Mỹ, chính sách bơm hút OMO của Ngân hàng Nhà nước, cùng với ảnh hưởng từ thị trường quốc tế, chính sách của Fed, và áp lực bán ròng của khối ngoại đã khiến tâm lý giao dịch trở nên thận trọng hơn.

Tính chung cho cả năm 2024, ADTV của ba sàn giao dịch tăng khoảng 19% so với năm trước lên 20,985.5 tỷ đồng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trong năm 2024 nhưng tốc độ đã giảm trong những tháng cuối năm, tính chung cả năm, lượng bán ròng đạt 3.7 tỷ đô la Mỹ, tăng tương đối mạnh so với giá trị bán ròng trong năm 2023 là 891.5 triệu đô la Mỹ. Áp lực bán ròng cũng diễn ra tại các nước Đông Nam Á khác như Thái Lan (SET) và Philippines (PCOMP) ghi nhận dòng tiền ròng chảy ra lần lượt là 3.8 tỷ đô la Mỹ và 305 triệu đô la Mỹ, trong khi chỉ có Indonesia (JCI) ghi nhận dòng vốn ngoại mua ròng với giá trị 1.5 tỷ đô la Mỹ.

Về diễn biến các ngành trong năm 2024, các ngành Bảo hiểm, Ngân hàng, Công nghiệp, Vật liệu cơ bản, Tiêu dùng không thiết yếu, Công nghệ thông tin và Dược phẩm đạt mức tăng vượt trội so với VNIndex; trong đó ngành Ngân hàng và Công nghệ thông tin có mức sinh lời ấn tượng đạt lần lượt 27.4% và 78.9%. Ngược lại, cổ phiếu ngành Bất động sản, Chứng khoán và Tiêu dùng thiết yếu ghi nhận mức sinh lời lần lượt -2.4%, 2.7% và 4.0%, thấp hơn nhiều so với mức sinh lời của VNIndex (12.1%).

Ghi chú: Các số liệu nêu tại mục này được tổng hợp từ các nguồn sau đây: Tổng cục Thống kê Việt Nam, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bloomberg và Fiinpro. Do số liệu này được tổng hợp từ bên thứ ba, mặc dù chúng tôi thận trọng xem xét, thẩm định, đánh giá, chúng tôi không chịu trách nhiệm về những nội dung hay sai sót của những số liệu nêu trên.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Tại ngày 31/122024, tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan là 91,55%.

m) Các thông tin khác (nếu có).

IV. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Sổ tay định giá: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, ngoại trừ việc thanh toán tiền mua lại chứng chỉ Quỹ cho kỳ giao dịch ngày 22 tháng 03 năm 2024, chi tiết như sau:

Theo Điểm c, Khoản 1, Điều 32, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98") quy định việc thanh toán lệnh bán chứng chỉ quỹ phải thực hiện trong thời hạn theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch nhưng không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

Theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch của Quỹ, số tiền thanh toán cho Nhà Đầu tư sẽ được chuyển khoản vào tài khoản của Nhà Đầu tư trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Tại ngày 27 tháng 03 năm 2024, đã có trường hợp nhà đầu tư nhận được tiền bán chứng chỉ quỹ muộn hơn so với quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch, tuy nhiên thời hạn này không vượt quá thời gian tối đa theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 32, Thông tư 98 nêu trên, thông tin cụ thể như sau:

Ngày 27 tháng 03 năm 2024, Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu tư Eastspring Investments ("Công ty Quản lý Quỹ") đã gửi các chỉ thị thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho các Nhà Đầu tư cho kỳ giao dịch ngày 22 tháng 03 năm 2024 theo chi tiết trong báo cáo SR0046 – Danh sách Nhà Đầu tư được thanh toán tiền chi tiết theo Đại lý phân phối của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam với tư cách là Đại lý Chuyển nhượng của Quỹ tới Ngân hàng thanh toán. Tuy nhiên, các chỉ thị thanh toán này đã được gửi tới Ngân hàng thanh toán sau thời hạn nhận chỉ thị cuối cùng, do đó, hai lệnh thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ của hai Nhà Đầu tư chưa được thực hiện thành công trong ngày.

Tại sáng ngày 28 tháng 03 năm 2024, các khoản thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ của các Nhà Đầu tư nêu trên đã được thực hiện thanh toán đầy đủ.

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền:

- Dịch vụ Quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) bắt đầu từ ngày 13/12/2023;
- Dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam bắt đầu từ ngày 13/12/2023, chi tiết như sau :

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Chi phí hoạt động (VNĐ)	%/Chi phí hoạt động
3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	20.4	303.600.000	5,41%
3.5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5	132.000.000	2,35%

Theo ghi nhận của Công ty Quản lý Quỹ, bên nhận ủy quyền đáp ứng được yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, nhân sự ... bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện một cách thông suốt và tách bạch khỏi những phòng ban khác của bên nhận ủy quyền, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ

Eastspring Investments

S.G.P : 25 - Đ.T.N.NG
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ EASTSPRING INVESTMENTS
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Ngô Thế Triệu